

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM
Thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Trần Đề

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, các chủ trương lớn và giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 36-NQ/TW); Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW (sau đây gọi là Nghị quyết số 26-NQ/TW); Chương trình số 35-CTr/TU ngày 04/3/2019 của Tỉnh ủy Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW (sau đây gọi là Chương trình số 35-CTr/TU);

Căn cứ Kế hoạch số 70/KH-UBND, ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi là Kế hoạch số 70/KH-UBND),

Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa huyện, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng, chủ trương lớn, khâu đột phá và các giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 26-NQ/TW; Chương trình số 35-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban ngành, địa phương liên quan để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Trần Đề.

2. Kế hoạch 5 năm (đến năm 2025)

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đến năm 2025; triển khai các chủ trương lớn, khâu đột phá và các giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trên địa bàn huyện được đề ra trong Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Kế hoạch 5 năm (đến năm 2025) làm cơ sở, nền tảng để thực hiện thành công Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. YÊU CẦU

1. Yêu cầu chung

Quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chương trình số 35-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh trong suốt quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Ủy ban nhân dân huyện.

Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại để thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển; tạo sự chuyển biến tích cực trong khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên vùng biển, ven biển; đảm bảo tính khả thi trong huy động và sử dụng các nguồn lực, phù hợp tình hình thực tế của huyện và tỉnh.

Đảm bảo năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển; góp phần giữ vững độc lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

2. Yêu cầu cụ thể

Triển khai đồng bộ các giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn huyện, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện về năng lực triển khai điều kiện thực hiện của từng Phòng, Ban ngành, cấp xã liên quan.

Tranh thủ các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho sự phát triển bền vững kinh tế biển.

B. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

I. KẾ HOẠCH TỔNG THỂ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ:

Tiếp tục nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý về biển, đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý tổng hợp, thống nhất về biển ở địa phương.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua việc thực hiện công cụ, cơ chế điều phối cụ thể.

Đổi mới, phát triển các mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, tính cạnh tranh và hiệu quả đầu tư công trong các ngành kinh tế biển; vùng ven biển.

Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể về phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn huyện trên cơ sở hướng dẫn của các sở, ngành tỉnh, làm cơ sở cho việc tăng cường quản lý tổng hợp về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Về phát triển kinh tế biển và ven biển

a) Nuôi trồng và khai thác hải sản

Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển và trên biển theo hướng đa dạng về đối tượng nuôi, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ vi sinh và bảo vệ môi trường nuôi bền vững. Ưu tiên, đẩy mạnh khai thác thủy, hải sản ở những vùng biển xa bờ theo hướng công nghiệp, gắn khai thác bền vững gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy, hải sản. Điều chỉnh sản lượng khai thác và số lượng tàu thuyền khai thác phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy, hải sản trên vùng biển của huyện, đảm bảo hiệu quả, bền vững; trong đó, giảm nghề kéo lưới đáy và kiên quyết chấm dứt các hình thức đánh bắt tận diệt nguồn lợi thủy sản. Hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với công nghệ tiên tiến để thúc đẩy phát triển kinh tế biển, góp phần khẳng định chủ quyền biển, hải đảo của tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ, lồng ghép các chương trình, dự án hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, tạo sinh kế cho người dân vùng ven biển; xây dựng và thực hiện các mô hình tổ chức sản xuất trong nuôi trồng và khai thác hải sản hợp lý, nhân rộng các mô hình tổ, đội tàu, thuyền khai thác gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phù hợp với điều kiện môi trường và nguồn lợi thủy sản; nâng cao mức sống cộng đồng ngư dân, tạo điều kiện thuận lợi để người dân bám biển, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn trên vùng biển của huyện; mở rộng hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để mở rộng, nâng cấp Cảng cá Trần Đề.

b) Năng lượng tái tạo và những ngành kinh tế biển mới

Tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo như: Điện gió, năng lượng mặt trời gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển rừng và phát triển du lịch khu vực ven biển.

Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất bãi bồi khu vực ven biển. Tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư các chương trình điều tra, nghiên cứu chế tạo thử nghiệm, xây dựng các mô hình điển hình trong sử dụng năng lượng tái tạo.

c) Công nghiệp ven biển

Tiếp tục triển khai định hướng các cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư khu công nghiệp Trần Đề."

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp hỗ trợ để tham gia vào chuỗi sản xuất hàng hóa nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh với thị trường.

Đảm bảo mục tiêu, định hướng phát triển các khu kinh tế ven biển phù hợp với điều kiện, tiềm năng, thế mạnh hiện có trên cơ sở hài hòa lợi ích của địa phương.

d) Du lịch và dịch vụ biển

Khai thác hiệu quả tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn đảo, đồng thời tranh thủ sự đầu tư về kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn; khu du lịch sinh thái Mỏ Ó; duy trì, phát triển nâng tầm các lễ hội truyền thống (Lễ hội nghinh Ông, Lễ hội cúng phước biển); khai thác các giá trị văn hóa, đời sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khmer, người Hoa; phát triển mô hình du lịch cộng đồng. Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm; tổ chức Lễ hội ẩm thực biển nhằm tạo sức hấp dẫn để du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch; góp phần khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân.

Thực hiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi ngành, nghề, trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái biển, các tuyến du lịch biển và ra Côn Đảo. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển du lịch và dịch vụ biển.

đ) Kinh tế hàng hải

Tiếp tục đề xuất Trung ương sớm phê duyệt điều chỉnh bổ sung cảng biển nước sâu (cảng Trần Đề) vào quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam. Tranh thủ sự đầu tư đồng bộ và đưa vào khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu gắn với các dịch vụ hỗ trợ.

e) Tài nguyên khoáng sản biển

Phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường trong công tác Điều tra, khảo sát đánh giá tiềm năng các tài nguyên khoáng sản biển, đặc biệt là khoáng sản cát có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa phục vụ kinh tế biển.

Nâng cao hiệu quả, tăng hệ số thu hồi tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu, kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

g) Phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo chắn sóng, bảo vệ rừng, chống xói lở bờ sông, bờ biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

3. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

Phối hợp với các sở, ngành thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người tại các xã ven biển của huyện và so sánh, đánh giá với chỉ số phát triển con người trong toàn tỉnh.

Bổ sung và đầu tư, xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục tại các xã ven biển còn gặp nhiều khó khăn.

Đảm bảo cho người dân sinh sống, làm việc tại các xã ven biển được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, góp phần nâng cao sức khỏe của người dân bao gồm: củng cố mạng lưới y tế tại các xã ven biển; phát triển nguồn

nhân lực về y tế đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân;...

Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển như: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động.

Thường xuyên thực hiện các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của biển và đại dương trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; nâng cao nhận thức, kiến thức hiểu biết về biển, đại dương, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

4. Về khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện các chủ trương, chính sách về tổ chức, lồng ghép việc đào tạo, thu hút phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu về ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên ven biển, ven biển gắn với bảo vệ môi trường.

Tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư để phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao, nhất là về công tác đào tạo cho người dân, bảo đảm nhu cầu lao động của các ngành kinh tế biển, đầu tư cơ sở hạ tầng; nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế biển, ven biển gắn với bảo vệ môi trường, phòng ngừa, thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

5. Về môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng và thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Tranh thủ sự đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho công tác thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt quy chuẩn môi trường và thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Đẩy mạnh thực hiện quy hoạch các cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển được phê theo hướng bền vững dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Nâng cao nhận thức của ngư dân và cộng đồng dân cư ven biển về phát triển bền vững kinh tế biển, góp phần giảm thiểu và tiến tới chấm dứt hành vi gây hại đối với tài nguyên, môi trường biển. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, tránh thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng tại vùng ven biển. Quy hoạch tuyến dân cư ven biển nhằm giúp ngư dân ổn định cuộc sống, tạo sinh kế cho người dân vùng ven biển chuyển đổi ngành nghề khai thác ven bờ sang hoạt động sản xuất phù hợp với môi trường, điều kiện ven biển của vùng biển, ven biển.

Thực hiện tốt công tác quản lý rác thải trên biển, nhất là rác thải nhựa, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Quan tâm chỉ đạo xây dựng khu vực phòng thủ ven biển vững mạnh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, quyền và lợi ích hợp pháp trên các vùng biển.

Tranh thủ sự đầu tư về kinh phí mua sắm các phương tiện, trang bị kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các lực lượng, làm chỗ dựa vững chắc cho nhân dân hoạt động sản xuất, sinh sống và đảm bảo an sinh, an toàn cho các hoạt động phát triển kinh tế trên các vùng biển; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân, dân quân tự vệ biển, các khu vực xã bãi ngang, làm nòng cốt đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng biển, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế tại khu vực biển. Đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển để chống phá; giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh tại vùng biển.

Khuyến khích người dân khai thác xa bờ và hoạt động sản xuất trên các vùng biển xa, vừa phát triển kinh tế, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ biển.

II. KẾ HOẠCH 5 NĂM ĐẾN NĂM 2025

1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ:

Thực hiện nghiêm Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật mới về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các khu vực biển, quản lý vùng bờ; quy định về quản lý các xã bãi ngang, đất ngập nước ven biển,... theo quy định pháp luật.

Tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo, đảm bảo đổi mới, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Triển khai thực hiện các bộ tiêu chí, chỉ tiêu thống kê quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển nhằm đảm bảo khung pháp lý cho việc triển khai kế hoạch tổng thể, kế hoạch 5 năm và các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn huyện. Áp dụng bộ tiêu chí và chỉ số quản lý tổng hợp vùng biển của huyện theo hướng dẫn của tỉnh.

Xây dựng và thí điểm triển khai mô hình quản trị biển thông minh, tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại tại một số xã bãi ngang. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục và phổ biến về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tri thức về biển và hải đảo cho nhân dân các xã bãi ngang trên địa bàn huyện.

2. Triển khai kinh tế biển, ven biển:

a. Nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản:

Tiếp tục khai thác tốt lợi thế đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Tiến tới nuôi trồng theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi, chuyển đổi các mô hình nuôi quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp sang nuôi công nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ vi sinh, bền vững, bảo vệ môi trường. Chuyển dịch ngư trường từ vùng biển ven bờ, nơi có hệ sinh thái đặc thù, nhạy cảm, nguồn lợi có chiều hướng suy giảm, dễ chòng lỉnh vào các hoạt động kinh tế khác sang đánh bắt xa bờ. Cơ cấu lại đội tàu, thuyền khai thác biển, lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, tạo sinh kế cho người dân ven biển.

Ứng dụng công nghệ cao và tiết kiệm năng lượng trong khai thác thủy sản, tận dụng các phụ phẩm thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho cộng đồng ngư dân.

Tiếp tục tranh thủ hỗ trợ đầu tư nâng cấp Cảng cá, Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá nhằm hỗ trợ cho ngư dân khai thác hiệu quả trên các vùng biển xa bờ.

Thành lập, hỗ trợ một số doanh nghiệp nông cốt trong khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản ở vùng biển xa bờ, nhân rộng mô hình tổ, đội tàu, thuyền khai thác gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá. Khuyến khích người dân bám biển, làm chủ ngư trường, kết hợp bảo đảm an ninh, an toàn trên biển.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm chỉ thị số 689/CT-TTg ngày 18/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng tàu cá, ngư dân Việt nam bị nước ngoài bắt giữ, xử phạt; Công điện số 1392/CĐ-TTg ngày 30/8/2012, Công điện số 732/CĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt tàu cá và ngư dân Việt Nam khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt tàu cá, ngư dân Việt nam khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài, Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

b. Năng lượng tái tạo và những ngành kinh tế biển mới

Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện năng lượng mặt trời); tranh thủ sự đầu tư phát triển ưu tiên tại các bãi ngang phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi trong thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển các dự án đầu tư khai thác nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi để

phát triển ngành công nghiệp năng lượng thành ngành kinh tế quan trọng sau năm 2020.

c. Công nghiệp ven biển

Rà soát, điều chỉnh và phát triển các cụm công nghiệp ven biển bảo đảm thuận lợi trong giao thông thủy, bộ; trong đó ưu tiên các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường thay thế các loại hình công nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, khuyến khích đầu tư các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nhiên liệu, lợi thế cạnh tranh; nhất là công nghiệp chế biến hàng nông, thủy sản xuất khẩu. Đặc biệt là tranh thủ kêu gọi đầu tư khu công nghiệp Trần Đề.

d. Du lịch và dịch vụ biển

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TU ngày 02-8-2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 tại vùng biển và ven biển. Trong đó tập trung đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển dịch vụ du lịch; thu hút đầu tư phát triển du lịch biển với nhiều loại hình, cụ thể như: du lịch sinh thái rừng ngập mặn, khu du lịch sinh thái Mỏ Ó. Thực hiện chính sách ưu đãi trong quy hoạch để tạo sự đột phá cho phát triển du lịch và dịch vụ biển.

đ. Kinh tế hàng hải

Tiếp tục đề xuất Trung ương sớm phê duyệt điều chỉnh bổ sung cảng biển nước sâu (cảng Trần Đề) vào quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam. Tranh thủ sự đầu tư đồng bộ và đưa vào khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu gắn với các dịch vụ hỗ trợ.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với các công trình giao thông trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

e. Tài nguyên khoáng sản biển

Phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường trong công tác Điều tra, khảo sát đánh giá tiềm năng các tài nguyên khoáng sản biển, đặc biệt là khoáng sản cát có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa phục vụ kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản biển.

Nâng cao hiệu quả, tăng hệ số thu hồi tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu, kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

g. Phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư, nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo chắn sóng, bảo vệ rừng, chống xói lở bờ sông, bờ biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, vùng ven biển.

Đề xuất Bộ, ngành Trung ương, các sở, ngành tỉnh hỗ trợ: Đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối liên thông giữa các trục giao thông chính với khu kinh tế biển của huyện và các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; Đầu tư mới các trạm cấp nước tập trung, đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước đảm bảo cung cấp nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị tác động mạnh của xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đầu tư các công ngăn mặn dọc theo tuyến sông hậu và đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các công dưới đê biển đảm bảo ngăn mặn, cấp nước phục vụ sản xuất của nhân dân.

3. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

Phối hợp với các sở, ngành thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người tại các xã ven biển của huyện và so sánh, đánh giá với chỉ số phát triển con người trong toàn tỉnh hàng năm.

Bổ sung và đầu tư, xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội (đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục,..) tại các xã ven biển còn gặp nhiều khó khăn.

Đảm bảo cho người dân sinh sống, làm việc tại các xã ven biển được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, góp phần nâng cao sức khỏe của người dân bao gồm: củng cố mạng lưới y tế tại các xã ven biển; phát triển nguồn nhân lực về y tế đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân;...

Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển như: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động. Ưu tiên phối hợp xây dựng mới trung tâm văn hóa biển đặc trưng của huyện.

Thường xuyên thực hiện các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người dân đi biển và ngư dân.

4. Về khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

Hàng năm, tổ chức xác định, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội biển, tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2018- 2020, tầm nhìn đến năm 2025 nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, đặc biệt là triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 16/CT-TU ngày 02/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để khai thác tiềm năng, lợi thế cho việc phát triển bền vững kinh tế biển, ven biển tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện các chủ trương, chính sách về tổ chức, lồng ghép việc đào tạo, thu hút phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu về ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên ven biển, ven biển gắn với bảo vệ môi trường.

Tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư để phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao, nhất là về công tác đào tạo cho người dân, bảo đảm nhu cầu lao động của các ngành kinh tế biển, đầu tư cơ sở hạ tầng; nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế biển, ven biển gắn với bảo vệ môi trường, phòng ngừa, thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

5. Về môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng và thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Tranh thủ sự đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho công tác thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt quy chuẩn môi trường và thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Đẩy mạnh thực hiện quy hoạch các cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển được phê duyệt theo hướng bền vững dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư ven biển về bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển. Thận trọng trong thực hiện đánh giá tác động môi trường, chú trọng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên nước và các hệ sinh thái trước khi quyết định các Chủ trương, đầu tư thực hiện dự án, nhất là đối với các dự án phát triển sản xuất công nghiệp.

Tiếp tục thực hiện phong trào “*Chống rác thải nhựa*” trên địa bàn huyện (theo Kế hoạch số 73/KH- UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề); đặc biệt đẩy mạnh thực hiện tại các xã bãi ngang. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn huyện đến năm 2030 theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ và theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Đẩy mạnh phát triển và bảo vệ rừng, tăng diện tích rừng và cây phân tán để tạo thành bể hấp thụ các- bon. Bảo vệ diện tích rừng ngập mặn hiện có, đặc biệt là các khu ven biển.

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, tránh thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển của huyện. Quy hoạch tuyến dân cư ven biển nhằm giúp ngư dân ổn định cuộc sống, tạo sinh kế cho người dân vùng biển chuyển đổi ngành nghề khai thác ven bờ sang các hoạt động sản xuất phù hợp với vùng biển của huyện.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cảnh giác cho nhân dân vùng ven biển trước âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù

địch; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững chắc trên vùng biển của huyện.

Hoàn thiện tổ chức các lực lượng đảm bảo quốc phòng an ninh và thực thi pháp luật tại khu vực biển; trong đó, tổ chức lực lượng bộ đội biên phòng vững mạnh về mọi mặt, bảo đảm là lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia theo Nghị quyết số 33/NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính Trị; phát huy vai trò của ngư dân trong bảo vệ an ninh trên biển, kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 07/NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, vùng biển trong tình hình mới.

Bổ trí đủ lực lượng công an chính quy, dân quân tự vệ biển tại các xã bãi ngang để đẩy mạnh công tác phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tăng cường tuần tra, kiểm soát nhằm bảo đảm an ninh, chính trị nội bộ an toàn xã hội phục vụ việc triển khai thực hiện có hiệu quả các Chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong nghị quyết số 36/NQ/TW; các quy định, kế hoạch liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển của Đảng, Nhà nước trên địa bàn huyện.

Giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp kéo dài, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến tranh chấp đất đai, ô nhiễm môi trường, dân tộc, tôn giáo, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự an toàn khu vực biển, ven biển.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG, BAN NGÀNH, UBND CẤP XÃ.

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban ngành, UBND cấp xã có liên quan tham mưu UBND huyện

Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các nội dung trong kế hoạch này. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình số 35- CTTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Định kỳ 5 năm 2 lần, tổ chức hội nghị để rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đã đề ra; trên cơ sở đó, thảo luận, đề xuất các giải pháp định hướng phát triển, các giải pháp mới phù hợp với tình hình thực tiễn; đồng thời, tham mưu cho UBND huyện xây dựng báo cáo gửi về sở Tài nguyên và môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh.

2. Đoàn biên phòng Trung Bình chủ trì phối hợp Ban chỉ huy Quân sự huyện, Hải Đội 2 và Công an huyện thực hiện tốt các giải pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của nước Việt Nam tại vùng biển, ven bờ, thềm lục địa trên địa bàn huyện.

3. Phòng Tài chính và Kế hoạch chủ trì, phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan xác định nhiệm vụ, dự án, đề

án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí kịp thời nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, đề án, dự án đã đề ra trong kế hoạch; nghiên cứu, tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn huyện. Đồng thời tham mưu UBND huyện thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các nguồn kinh phí khác cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế biển.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan tham mưu UBND huyện thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan tham mưu việc thực hiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái tại các xã ven biển; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02-8-2016 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng, đặc biệt là các nhiệm vụ, dự án phát triển du lịch sinh thái liên quan đến khu vực biển, ven biển.

5. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan tổ chức thực hiện tốt Luật thủy sản năm 2017; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, giảm thiểu tàu cá và ngư dân bị nước ngoài bắt giữ (khai thác không theo quy định (IUU)), phòng chống thiên tai từ biển. Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan tham mưu việc thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nuôi trồng thủy sản bền vững, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái và khai thác hải sản xa bờ, bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển.

6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban ngành, đơn vị, UBND cấp xã liên quan tham mưu UBND huyện phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị sinh thái ven biển gắn với khu kinh tế biển, thực hiện tốt công tác quản lý, hoạt động đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các địa phương ven biển; đồng thời tham mưu UBND huyện kiến nghị Sở Công Thương đề xuất Bộ công thương rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, hướng dẫn và giám sát, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

7. Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Đề và xã Trung Bình (theo chức năng, nhiệm vụ) thực hiện lồng ghép các nội dung nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này vào kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương; phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án theo kế hoạch, đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chương

trình số 35-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Ngoài các nhiệm vụ cụ thể đã nêu trong Kế hoạch, các Phòng, Ban ngành, đơn vị liên quan, UBND thị trấn Trần Đề và UBND xã Trung Bình căn cứ Nghị quyết số 36- NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, nhiệm vụ được giao tại Chương trình số 35- CTr/TU của Tỉnh ủy Sóc Trăng và Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng ban hành kế hoạch triển khai cụ thể vào quý III/2020; tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển, định kỳ thực hiện sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện, trước tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo tình hình, kế hoạch thực hiện của cơ quan, đơn vị về Phòng Tài nguyên Môi trường để tổng hợp, trình UBND huyện báo cáo Ban Thường vụ huyện ủy và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chủ trì rà soát đánh giá và đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến biển thuộc phạm vi quản lý được giao, bảo đảm phù hợp Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 35- CTr/TU, Kế hoạch số 70/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này, hoàn thành trong quý III/2020 để gửi Phòng Tài chính và Kế hoạch, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trần Đề đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phối hợp các Sở, ngành Tỉnh trong việc xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phương pháp tích hợp đa ngành.

Tiếp tục thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ; Tỉnh ủy; UBND tỉnh đang có hiệu lực thi hành, đồng thời triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch này.

II. Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Đoàn thể huyện đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, cần điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể trong kế hoạch, các Phòng, Ban ngành, đơn vị và UBND cấp xã kịp thời báo cáo, gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, trình UBND huyện xem xét quyết định. /.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- TT HU; TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Các phòng, Ban, ngành huyện;
- UBMTTQ và các Đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP: LT,NC.TTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Bé

